

Revoria Press™ SC285S / SC285 Chức năng và Thông số kỹ thuật

Tính năng cơ bản

| Mục | Mô tả | |
|--------------------------|--|--------------------------------|
| Tính năng màu | Đầy đủ màu sắc | |
| Độ phân giải in ấn | 2.400 x 2.400 dpi | |
| Thời gian khởi động | 300 giây hoặc ít hơn (nhiệt độ phòng là 23 độ C) | |
| Tốc độ in*1 | A4 | 85 trang/phút |
| | A3 | 47 trang/phút |
| Khổ giấy*2 | Khay 1, 2, 3 | 140 x 182 mm - 330 x 488 mm |
| | Khay tay (Tùy chọn)*3 | 90 x 146 mm - 330 x 1.300 mm*4 |
| Trọng lượng giấy | Khay 1, 2, 3 | 64 - 256 gsm |
| | Khay tay (Tùy chọn)*3 | 52 - 300 gsm*5 |
| Dung lượng khay giấy*6 | Khay 1, 2, 3 | 570 tờ x 3 -Khay |
| | Khay tay (Tùy chọn)*3 | 250 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC200-240 V +/- 10 %, 20 A, 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 4,8 kW (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước*7 | Rộng 1.159 x Sâu 858 x Cao 1.310 mm | |
| Trọng lượng*8 | 288 kg hoặc ít hơn (Bao gồm Khay tay) 282 kg hoặc ít hơn (Không bao gồm Khay tay) | |

*1 Khi in liên tục một tài liệu 1 mặt. Giấy không tráng phủ, định lượng 52 - 350 gsm. Tốc độ in có thể giảm tùy thuộc vào: điều kiện dữ liệu đầu ra, sử dụng mực đặc biệt hay không, thực hiện điều chỉnh ảnh tự động hay không, công việc có bao gồm nhiều kích cỡ và loại giấy khác nhau hay không, vân vân.

*2 Xóa lề: Mép trên 4,0 mm, Mép dưới 2,0 mm, Mép trước 2,0 mm, Mép sau 2,0 mm.

*3 Multi-model Print Driver 2 và trình điều khiển in quy định mẫu, cho phép bạn in trực tiếp mà không cần sử dụng một máy chủ in, và cũng đã có sẵn. Khi sử dụng Multi-model Print Driver 2, có thể xử lý kích thước giấy từ 148 x 210 mm đến 297 x 432 mm.

*4 Chế độ in tự động 2 mặt hỗ trợ khổ giấy lên tới 330 x 660 mm. Để sử dụng giấy dài hơn 488 mm, cần có các tùy chọn nạp và xuất giấy phù hợp với kích thước giấy đó.

*5 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*6 Giấy 82 gsm.

*7 Máy in + Khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ). Không bao gồm các tùy chọn nạp giấy / giấy ra. Khay tay đã đóng.

*8 Máy in + Khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ). Không bao gồm các tùy chọn nạp giấy / giấy ra. Không bao gồm hộp mực. Khi kết nối với tùy chọn bộ nạp giấy, hãy lưu ý rằng trọng lượng của khay tay sẽ có thể được gộp vào trong tùy chọn nạp giấy.

Chức năng In bên trong

| Mục | Mô tả |
|--|--|
| Tốc độ in | [Trình Điều Khiển PCL] Tương tự như những Tính năng cơ bản |
| Khổ giấy | [Trình Điều Khiển PCL] Tương tự như những Tính năng cơ bản |
| Độ phân giải dữ liệu | Trình Điều Khiển PCL Chuẩn: 2.400 x 2.400 dpi, Độ phân giải cao: 2.400 x 2.400 dpi |
| Ngôn ngữ mô tả trang | PCL |
| Hệ điều hành hỗ trợ trình điều khiển*1 | Trình Điều Khiển PCL Windows 11 (64bit) Windows 10 (32bit) Windows 10 (64bit) Windows Server 2022 (64bit) Windows Server 2019 (64bit) Windows Server 2016 (64bit) |
| Cổng kết nối | Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T, USB2.0 |

*1 Vui lòng xem tại trang web chính thức của chúng tôi để biết HĐH được hỗ trợ mới nhất.

Chức năng Quét

| Mục | Mô tả |
|---------------------|---|
| Kiểu | Màu |
| Kích thước tài liệu | [Mặt kính đặt giấy / Bộ nạp và đảo bản gốc tự động] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 15 x 15 mm - 297 x 432 mm |
| Độ phân giải quét | 600 x 600 dpi, 400 x 400 dpi, 300 x 300 dpi, 200 x 200 dpi |
| Tốc độ quét | Phù hợp với tốc độ quét của Bộ nạp và đảo bản gốc tự động |
| Đầu ra quét | Lưu vào thư mục (Hỗ trợ Giao Diện TWAIN), Quét hình vào máy tính, Quét để gửi E-mail |

Chức năng Sao chụp

| Mục | Mô tả |
|--|---|
| Kích thước tài liệu | [Mặt kính đặt giấy / Bộ nạp và đảo bản gốc tự động] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 15 x 15 mm - 297 x 432 mm |
| Khổ giấy ^{*1} | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 90 x 146 mm - 330 x 1.300 mm ^{*2} |
| Độ phân giải quét | 600 x 600 dpi |
| Độ phân giải in ấn | 2.400 x 2.400 dpi (Văn bản-Ảnh / Ảnh), 600 x 600 dpi (Văn bản / Bản đồ) |
| Tông màu | 256 các mức độ cho từng màu |
| Thời gian cho ra bản sao chụp đầu tiên ^{*3} | Đen trắng: 5,2 giây hoặc ít hơn (A4 / Chế độ ưu tiên đơn sắc) Màu: 9,0 giây hoặc ít hơn (A4 / Chế độ ưu tiên màu) |

*1 Xóa lề: Mép trên 4,0 mm, Mép dưới 2,0 mm, Mép trước 2,0 mm, Mép sau 2,0 mm.

*2 Để sử dụng giấy dài hơn 488 mm, cần có các tùy chọn nạp và xuất giấy phù hợp với kích thước giấy đó.

*3 Khi đặt bản gốc vào kính đặt tài liệu, giấy sẽ được nạp từ khay 1, tài liệu sẽ được sao chép ở dạng 1 mặt, và bản sao được đẩy ra Khay đỡ giấy chia bộ.

Bộ nạp và đảo bản gốc tự động

| Mục | Mô tả | |
|-----------------------------------|--|--|
| Kích thước tài liệu | Tương tự Chức năng Quét / Chức năng Sao chụp | |
| Trọng lượng giấy tài liệu | 38 - 200 gsm (2 mặt: 50 - 200 gsm) | |
| Dung lượng tài liệu ^{*1} | 250 tờ | |
| Tốc độ quét ^{*2} | Sao chụp | Đen trắng: 90 trang/phút, Màu: 90 trang/phút (A4 LEF, 1 mặt) |
| | Quét | 1 mặt: 135 trang/phút, 2 mặt: 270 trang/phút [Tài liệu tiêu chuẩn (A4), 200 dpi, Lưu trữ vào thư mục] |

*1 Giấy 80 gsm.

*2 Tốc độ quét thay đổi tùy theo bản gốc.

Máy chủ in [Revoria Flow SC21 / SC22]

| Mục | Mô tả | |
|--|--|---|
| | Revoria Flow SC21 | Revoria Flow SC22*1 |
| Kiểu | Bên ngoài | |
| CPU | Bộ xử lý Intel® Xeon® E-2226GE (3,4 - 4,6 GHz) | Bộ xử lý Intel® Core™ i3-9100E (3,1 - 3,7 GHz) |
| Bộ nhớ | 32 GB (Tối đa 32 GB) | 16 GB (Tối đa 32 GB, Tùy chọn) |
| Thiết bị lưu trữ | Ổ cứng: 4 TB (System), SSD: 1.920 GB, DVD Multi drive | Ổ cứng: 1 TB (System), SSD (Tùy chọn): 1.920 GB, DVD Multi drive |
| Hệ điều hành máy chủ | Windows 10 IoT Enterprise LTSC 2021 (64bit) | |
| Định dạng dữ liệu in | PS, PDF2.0, PDF/X-1a, PDF/X-3, PDF/X-4, PDF/X-5, EPS, TIFF, JPEG, PDF/VT, PPML | |
| Loại RIP | Adobe® PostScript® 3™ (Configurable PostScript Interpreter), Adobe® PDF Print Engine 6 | Adobe® PostScript® 3™ (Configurable PostScript Interpreter), Adobe® PDF Print Engine 6 (Tùy chọn) |
| Hệ điều hành hỗ trợ trình điều khiển*2 | Windows 11 (64bit) Windows 10 (32bit) Windows 10 (64bit) Windows Server 2025 (64bit) Windows Server 2022 (64bit) Windows Server 2019 (64bit) Windows Server 2016 (64bit) macOS 15 macOS 14 macOS 13 macOS 12 macOS 11 | |
| Cổng kết nối | Ethernet 1000BASE-T / 100BASE-TX / 10BASE-T x 2 | |
| Giao thức mạng | LPR, FTP, SMB, HTTP, JDF, SNMP, Bonjour | |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 3,6 A (100 V) / 1,5 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 0,4 kW (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước*3 | Rộng 170 x Sâu 403 x Cao 358 mm | |
| Trọng lượng*3 | 8,9 kg hoặc ít hơn | |

*1 Bắt buộc phải có bộ nhớ tùy chọn cho tác vụ in 2 mặt giấy dài hơn 660 mm. Bắt buộc phải có bộ nhớ tùy chọn cho tác vụ in giấy dài hơn 660 mm với độ phân giải 1.200 x 1.200 dpi.

*2 Vui lòng xem tại trang web chính thức của chúng tôi để biết HĐH được hỗ trợ mới nhất.

*3 Máy chủ in chỉ. Không bao gồm màn hình, bàn phím và chuột.

Bộ nạp trữ lượng lớn B1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả |
|------------------------|---|
| Khổ giấy | Tối đa A4, Letter, Tối thiểu JIS B5, 7,25 x 10,5" |
| Trọng lượng giấy | 64 - 220 gsm |
| Dung lượng khay giấy*1 | 2.100 tờ x 1 -Khay |
| Kích thước | Rộng 389 x Sâu 610 x Cao 377 mm |
| Trọng lượng*2 | 29 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần có tùy chọn khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ). Đã kết nối trực tiếp tới máy in.

*1 Giấy 82 gsm.

*2 Không bao gồm tùy chọn khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ).

Bộ nạp trữ lượng lớn B1-S / Bộ nạp trữ lượng lớn C3-DS / Bộ nạp trữ lượng lớn C1-DS thứ 2 (Tùy chọn)

| Mục | | Mô tả | | |
|--------------------------|--------------------------------|---|---|---|
| | | Bộ nạp trữ lượng lớn B1-S | Bộ nạp trữ lượng lớn C3-DS | Bộ nạp trữ lượng lớn C1-DS thứ 2 |
| Khổ giấy | Khay giấy dung tích tích lớn*1 | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu 4 x 6", JIS B5 Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 98 x 148 mm - 330 x 488 mm | | |
| | Khay tay (Tùy chọn) | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 90 x 146 mm - 330 x 660 mm | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 90 x 146 mm - 330 x 660 mm | - |
| Trọng lượng giấy | Khay giấy dung tích tích lớn | 52 - 300 gsm | 52 - 350 gsm | 52 - 350 gsm |
| | Khay tay (Tùy chọn) | 52 - 350 gsm*2 | 52 - 350 gsm*2 | - |
| Dung lượng khay giấy*3 | Khay giấy dung tích tích lớn | 2.100 tờ x 1 -Khay | 2.100 tờ x 2 -Khay | 2.100 tờ x 2 -Khay |
| | Khay tay (Tùy chọn) | 250 tờ | 250 tờ | - |
| Cung cấp nguồn điện | | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 2,5 A / AC200-240 V +/- 10 %, 1,5 A, 50/60 Hz, tiếp đất | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | | 360 W (trong trường hợp 240 V) | 880 W (trong trường hợp 240 V) | 880 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước*4 | | Rộng 988 x Sâu 762 x Cao 992 mm | | |
| Trọng lượng | | 177 kg hoặc ít hơn*4 | 232 kg hoặc ít hơn*4 | 235 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần có tùy chọn khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ) cho Bộ nạp trữ lượng lớn B1-S hoặc Bộ nạp trữ lượng lớn C3-DS.

Ghi chú Khi kết nối Bộ nạp trữ lượng lớn C3-DS và Bộ nạp trữ lượng lớn C1-DS thứ 2, Khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ) tùy chọn sẽ được gắn vào mô-đun bên trái.

*1 Cần phải có Bộ bưu thiếp để sử dụng loại giấy có chiều rộng nhỏ hơn 182 mm.

*2 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*3 Giấy 82 gsm.

*4 Bao gồm tùy chọn khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ).

Bộ nạp hút khí C1-DS / Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DS (Tùy chọn)

| Mục | | Mô tả | |
|------------------------------------|---------------------------------------|---|--|
| | | Bộ nạp hút khí C1-DS | Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DS-R + Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DS-L |
| Khổ giấy | Khay giấy dung tích lớn* ¹ | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu 4 x 6", A5 Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 98 x 148 mm - 330 x 488 mm | |
| | Khay tay | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 90 x 146 mm - 330 x 660 mm | |
| Trọng lượng giấy | Khay giấy dung tích lớn | 52 - 400 gsm | |
| | Khay tay | 52 - 350 gsm* ² | |
| Dung lượng khay giấy* ³ | Khay giấy dung tích lớn | 2.200 tờ x 2 -Khay | 2.200 tờ x 2 -Khay x 2 Bộ kết nối |
| | Khay tay | 250 tờ | |
| Cung cấp nguồn điện | | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | | 880 W (trong trường hợp 240 V) | 880 W + 880 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước | | Rộng 988 x Sâu 762 x Cao 992 mm | Rộng 1.980 x Sâu 762 x Cao 992 mm |
| Trọng lượng | | 194 kg hoặc ít hơn | 403 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ) được bao gồm.

*1 Cần phải có Bộ bưu thiếp cho Bộ nạp hút khí để dùng giấy có chiều rộng nhỏ hơn 182 mm.

*2 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*3 Giấy 82 gsm.

Bộ nạp hút khí C1-DSXL / Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DSXL (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|------------------------------------|---|--|
| | Bộ nạp hút khí C1-DSXL + Bộ biểu ngữ cho Bộ nạp hút khí C1-DSXL | Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DS-R + Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DSXL-L + Bộ biểu ngữ cho Bộ nạp hút khí C1-DSXL |
| Khổ giấy | Khay giấy dung tích lớn* ¹ | <p>[Khay trên] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A4, Letter Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 210 x 210 mm - 330 x 1.300 mm²</p> <p>[Khay dưới] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu 4 x 6", A5 Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 98 x 148 mm - 330 x 488 mm</p> |
| | Khay tay | <p>[Khay trên của mô-đun trái] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A4, Letter Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 210 x 210 mm - 330 x 1.300 mm²</p> <p>[Khay dưới của mô-đun trái, khay trên và khay dưới của mô-đun bên phải] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu 4 x 6", A5 Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 98 x 148 mm - 330 x 488 mm</p> |
| Trọng lượng giấy | Khay giấy dung tích lớn | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu A6, 5,5 x 8,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 90 x 146 mm - 330 x 660 mm |
| | Khay tay | 52 - 400 gsm ³ |
| Dung lượng khay giấy* ⁵ | Khay giấy dung tích lớn | 52 - 350 gsm ⁴ |
| | Khay tay | 900 tờ* ⁶ + 2.200 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | Khay giấy dung tích lớn | 2.200 tờ x 2 -Khay + 900 tờ* ⁶ + 2.200 tờ |
| | Khay tay | 250 tờ |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất | Một pha AC100-120 V +/- 10 %, 6 A / AC200-240 V +/- 10 %, 4 A, 50/60 Hz, tiếp đất |
| Kích thước | 880 W (trong trường hợp 240 V) | 880 W + 880 W (trong trường hợp 240 V) |
| Trọng lượng | Rộng 1.580 x Sâu 762 x Cao 992 mm | Rộng 2.572 x Sâu 762 x Cao 992 mm |
| | 213 kg hoặc ít hơn | 420 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Khay tay (Bộ chèn trang để in Biểu ngữ) được bao gồm.

Ghi chú Bộ nạp hút khí theo chuỗi C1-DSXL-L chỉ có thể nạp giấy dài từ Khay trên.

*1 Cần phải có Bộ bưu thiếp cho Bộ nạp hút khí để dùng giấy có chiều rộng nhỏ hơn 182 mm.

*2 Chế độ in tự động 2 mặt hỗ trợ khổ giấy lên tới 330 x 864 mm.

*3 Chiều dài giấy từ 488+ - 660 mm: 52 - 350 gsm, 660+ - 864 mm: 52 - 300 gsm, 864+ - 1.200 mm: 52 - 256 gsm. 1.200+ - 1.300 mm chỉ có thể được sử dụng cho một số nhãn hiệu giấy định lượng 104 gsm. In tự động 2 mặt hỗ trợ định lượng giấy lên tới 300 gsm.

*4 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*5 Giấy 82 gsm.

*6 Có thể sử dụng tối đa 100 tờ giấy (82 gsm) dài hơn 864 mm.

Khay đỡ giấy chia bộ / Khay đỡ giấy dài (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|------------------------------------|--|--|
| | Khay đỡ giấy chia bộ | Khay đỡ giấy dài |
| Khổ giấy | 90 x 146 mm - 330 x 660 mm ^{*1} | 90 x 146 mm - 330 x 1.300 mm ^{*2} |
| Trọng lượng giấy | 52 - 400 gsm | |
| Dung lượng khay giấy ^{*3} | 500 tờ | 300 tờ (Chiều dài giấy tối đa 488 mm) 100 tờ (Chiều dài giấy dài hơn 488 mm tối đa 864 mm) 10 tờ (Chiều dài giấy dài hơn 864 mm tối đa 1.300 mm) |
| Kích thước | Rộng 406 x Sâu 393 x Cao 184 mm | Rộng 512 x Sâu 396 x Cao 308 mm ^{*4} |
| Trọng lượng | 6 kg hoặc ít hơn | 4 kg hoặc ít hơn ^{*5} |

Ghi chú Bắt buộc phải có Bộ quạt khay đỡ giấy ra (Tùy chọn).

*1 Không đảm bảo dung lượng khay giấy lớn hơn giấy có kích cỡ 330 x 488 mm.

*2 Up to 330 x 660 mm sheet can be accommodated when Bộ mở rộng giấy dài is not installed.

*3 Giấy 82 gsm.

*4 Khi có lắp Bộ mở rộng giấy dài, Rộng 941 x Sâu 396 x Cao 495 mm.

*5 Khi có lắp Bộ mở rộng giấy dài, 5 kg hoặc ít hơn.

Bộ gập CD3 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|--------------------------|---|----------------------|
| Gập kiểu chữ Z một phần | Khổ giấy | A3, 11 x 17", JIS B4 |
| | Trọng lượng giấy | 60 - 90 gsm |
| Gập làm ba | Khổ giấy | A4, Letter |
| | Trọng lượng giấy | 60 - 90 gsm |
| | Dung lượng khay giấy ^{*1} | 30 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 1 A (100 V) / 0,5 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 120 W (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước | Rộng 232 x Sâu 588 x Cao 992 mm | |
| Trọng lượng | 52 kg hoặc ít hơn | |

Ghi chú Bộ gập CD3 là tùy chọn cho Bộ hoàn thiện C5 hoặc Bộ hoàn thiện C5 có bộ đóng sách.

*1 Giấy 82 gsm.

Bộ hoàn thiện C5 / Bộ hoàn thiện C5 có bộ đóng sách (Tùy chọn)

| Mục | | Mô tả | |
|------------------------------------|-----------------------------|--|--|
| | | Bộ hoàn thiện C5 + Transport Unit v2 | Bộ hoàn thiện C5 có bộ đóng sách + Transport Unit v2 |
| Loại | Khay giấy ra | Sắp xếp (Có chia bộ) / Xếp chồng (Có chia bộ) | |
| | Khay bộ hoàn thiện | Sắp xếp (Có chia bộ) / Xếp chồng (Có chia bộ) | |
| | Khay giấy quyển sách nhỏ | - | Sắp xếp / Xếp chồng |
| Khổ giấy ^{*1} | Khay giấy ra | 90 x 146 mm ^{*2} - 330 x 1.300 mm ^{*3} | |
| | Khay bộ hoàn thiện | 203 x 148 mm - 330 x 488 mm | |
| Trọng lượng giấy ^{*1} | Khay giấy ra | 52 - 350 gsm ^{*4} ^{*5} | |
| | Khay bộ hoàn thiện | 52 - 350 gsm ^{*5} | |
| Dung lượng khay giấy ^{*6} | Khay giấy ra | 500 tờ (A4) ^{*3} | |
| | Khay bộ hoàn thiện | [Không có tính năng dập ghim] A4: 3.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 1.500 tờ A5: 1.000 tờ Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*7} : 300 tờ [Có dập ghim] A4: 200 bộ (Dập ghim đơn), 100 bộ (Dập ghim kép) hoặc 3.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 100 bộ hoặc 1.500 tờ A5: 100 bộ hoặc 1.000 tờ (Dập ghim đơn), 75 bộ hoặc 750 tờ (Dập ghim kép) Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*7} : 70 bộ hoặc 200 tờ | [Không có tính năng dập ghim] A4: 1.500 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 1.500 tờ A5: 1.000 tờ Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*7} : 300 tờ [Có dập ghim] A4: 200 bộ (Dập ghim đơn), 100 bộ (Dập ghim kép) hoặc 1.500 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 100 bộ hoặc 1.500 tờ A5: 100 bộ hoặc 1.000 tờ (Dập ghim đơn), 75 bộ hoặc 750 tờ (Dập ghim kép) Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*7} : 70 bộ hoặc 200 tờ |
| | Khay giấy quyển sách nhỏ | - | 20 bộ ^{*8} |
| Dập ghim | Dung lượng Dập ghim | Dập ghim: Tối đa 50 tờ (90 gsm hoặc ít hơn) ^{*9} Dập không ghim ^{*10} : Tối đa 10 tờ (80 gsm hoặc ít hơn) | |
| | Kích cỡ Giấy ^{*11} | [Dập ghim đơn, Dập ghim kép / Dập không ghim ^{*10}] Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A5, 6 x 9" Khổ Giấy Tùy Chính: 203 x 148 mm - 297 x 432 mm [Dập ghim bốn vị trí] Khổ Tiêu Chuẩn: A4, Letter | |
| | Trọng lượng giấy | Dập ghim: 52 - 350 gsm Dập không ghim ^{*10} : 60 - 105 gsm | |
| | Vị trí | Dập ghim đơn, Dập ghim kép, Dập ghim bốn vị trí | |
| Đục lỗ ^{*12} | Số lượng lỗ | Đục 2 lỗ / 4 lỗ hoặc Đục 2 lỗ / 3 lỗ đục (Thông số kỹ thuật tại Hoa Kỳ) | |
| | Kích cỡ Giấy ^{*13} | Khổ Tiêu Chuẩn: Đục 2 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A5, 7,25 x 10,5" Đục 3 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu JIS B5, 7,25 x 10,5" Đục 4 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A4, 7,25 x 10,5" Khổ Giấy Tùy Chính: Đục 2 lỗ 203 x 148 mm - 297 x 432 mm Đục 3 lỗ 254 x 148 mm - 297 x 432 mm Đục 4 lỗ 267 x 148 mm - 297 x 432 mm | |
| | Trọng lượng giấy | 52 - 220 gsm | |

| Mục | | Mô tả | |
|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|--|
| | | Bộ hoàn thiện C5 + Transport Unit v2 | Bộ hoàn thiện C5 có bộ đóng sách + Transport Unit v2 |
| Hoàn thiện tài liệu dạng sách | Dung lượng hoàn thiện sách*14 | - | Dập ghim lồng: 20 tờ (90 gsm hoặc ít hơn) Gập đôi: 5 tờ (90 gsm hoặc ít hơn) |
| | Khổ giấy | - | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 18", SRA3, A3, Tối thiểu JIS B5, 7,25 x 10,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 182 x 257 mm - 330 x 457 mm |
| | Trọng lượng giấy | - | Dập ghim lồng: 60 - 300 gsm Gập đôi: 60 - 300 gsm |
| Kích thước*15 | | Rộng 771 x Sâu 692 x Cao 1.054 mm | Rộng 776 x Sâu 692 x Cao 1.054 mm |
| Trọng lượng | | 53 kg hoặc ít hơn | 65 kg hoặc ít hơn |

*1 Không có dập ghim, đục lỗ hay hoàn thiện sách.

*2 Khi sử dụng khổ giấy 90 x 146 mm, vui lòng kiểm tra lần chạy in trước.

*3 Không đảm bảo dung lượng khay giấy lớn hơn giấy có kích cỡ 330 x 488 mm.

*4 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*5 Công việc in có thể thực hiện không chính xác tùy theo các điều kiện sử dụng. (52 - 220 gsm)

*6 Giấy 82 gsm.

*7 Khi tờ giấy có khổ giấy lớn hơn được xếp chồng ở phía trên những tờ có khổ giấy nhỏ hơn.

*8 Khi in trên cùng một kích thước giấy.

*9 Có thể dập ghim tối đa 65 tờ khi lắp Thiết bị dập ghim 65 tờ của Bộ hoàn thiện C tùy chọn. Tuy nhiên, việc dập ghim không đúng cách như căn chỉnh cạnh không đều có thể xảy ra tùy thuộc vào loại giấy.

*10 Dập không ghim không có khả năng giữ giấy được như so với dập ghim có ghim. Chỗ giấy dính có thể bị tách ra một cách dễ dàng, tùy thuộc vào loại giấy, nhiệt độ, độ ẩm và cách lật trang giấy.

*11 Vị trí dập ghim có thể dùng tùy thuộc vào kích cỡ giấy.

*12 Chức năng đục lỗ được cung cấp theo tiêu chuẩn.

*13 Số lỗ có thể đục tùy thuộc vào kích cỡ giấy.

*14 Số tờ có thể được hoàn thiện thành sách nhỏ tùy thuộc vào trọng lượng giấy. Có thể không đóng được chặt sách nhỏ, tùy thuộc vào kích cỡ hoặc loại giấy.

*15 Khi Khay mở rộng được kéo ra.

Mô-đun làm thẳng giấy D1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả |
|--------------------------|---|
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 2,5 A (100 V) / 1 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 250 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước | Rộng 340 x Sâu 725 x Cao 992 mm |
| Trọng lượng | 40 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần phải kết nối với với Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2, Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền, Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

Bộ chèn trang D1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả |
|------------------------|--|
| Khổ giấy | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 12,6 x 19,2", SRA3, A3, Tối thiểu A5, 6 x 9" Khổ Giấy Tùy Chính: 182 x 148 mm - 330 x 488 mm |
| Trọng lượng giấy | 52 - 350 gsm |
| Dung lượng khay giấy*1 | 250 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | Được cấp từ Mô-đun làm thẳng giấy D1 |
| Kích thước | Rộng 700*2 x Sâu 725 x Cao 1.235 mm |
| Trọng lượng | 45 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần có Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2, Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền, Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

*1 Giấy 82 gsm.

*2 Chiều rộng của bộ phận chuyển giấy khi kết nối vào thiết bị là 165 mm.

Bộ khử tĩnh điện D1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả |
|--------------------------|---|
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 0,6 A (100 V) / 0,3 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 72 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước | Rộng 232 x Sâu 725 x Cao 992 mm |
| Trọng lượng | 40 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần có Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2, Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền, Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

Cổng giám sát thông minh D1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả |
|--------------------------|---|
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 2,4 A (100 V) / 1,2 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 240 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước | Rộng 605 x Sâu 725 x Cao 992 mm |
| Trọng lượng | 92 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Cần có Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2, Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền, Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 / Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|--------------------------|---|---|
| | Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 | Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền |
| Dung lượng khay giấy*1 | Khay giấy ra | 500 tờ*2 |
| | Khay đựng Bộ xếp chồng | 5.000 tờ hoặc chiều cao xếp chồng nhỏ hơn 570 mm. |
| Khổ giấy | Khay giấy ra | 90 x 146 mm*3 - 330 x 1.300 mm*2 |
| | Khay đựng Bộ xếp chồng | 203 x 182 mm - 330 x 488 mm |
| Trọng lượng giấy | Khay giấy ra | 52 - 400 gsm*4 |
| | Khay đựng Bộ xếp chồng | 52 - 300 gsm |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 1,5 A (100 V) / 0,8 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 192 W (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước | Rộng 800 x Sâu 725 x Cao 1.042 mm | Rộng 848 x Sâu 725 x Cao 1.042 mm |
| Trọng lượng*5 | 155 kg hoặc ít hơn | 159 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Phải có Mô-đun làm thẳng giấy D1.

Ghi chú Bộ Xếp Chồng Công Suất Cao A2 với Mô-đun truyền là một lựa chọn kết nối bộ hoàn thiện của nhà cung cấp bên thứ ba. Để biết thông tin về bộ hoàn thiện của nhà cung cấp bên thứ ba, hãy liên hệ với đại diện FUJIFIM Business Innovation địa phương.

*1 Giấy 82 gsm.

*2 Không đảm bảo dung lượng khay giấy lớn hơn giấy có kích cỡ 330 x 488 mm. Khi lắp thêm Bộ mở rộng in biểu ngữ Extra tùy chọn, máy có thể chứa 250 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 488 mm, 100 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 864 mm, 10 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 1.300 mm.

*3 Khi sử dụng khổ giấy 90 x 146 mm, vui lòng kiểm tra lần chạy in trước.

*4 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*5 Bao gồm Khay đựng Bộ xếp chồng.

Bộ xén hai cạnh/gấp nếp D2 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|--------------------------|---|-----------------------------|
| Xén hai cạnh | Khổ giấy | 194 x 210 mm - 330 x 488 mm |
| | Trọng lượng giấy | 52 - 350 gsm |
| | Kích thước cắt xén | 1 mặt: 6 - 25 mm |
| Gấp nếp | Khổ giấy | 182 x 210 mm - 330 x 488 mm |
| | Trọng lượng giấy*1 | 60 - 350 gsm |
| | Số đường gấp nếp*2 | 1 - 5 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 4,0 A (100 V) / 2,0 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 480 W (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước | Rộng 605 x Sâu 725 x Cao 992 mm | |
| Trọng lượng | 128 kg hoặc ít hơn | |

Ghi chú Cần có Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

*1 Khi gấp nếp với bộ hoàn thiện sách nhỏ. Trong trường hợp muốn tạo đường gấp nếp một tờ giấy mà không cần gấp, có thể sử dụng loại giấy định lượng 157 gsm trở lên.

*2 Tốc độ in liên tục sẽ giảm đáng kể khi số lượng đường gấp nếp tăng lên.

Bộ gập CD2 (Tùy chọn)

| Mục | | Mô tả |
|--------------------------|------------------------------------|---|
| Gập kiểu chữ Z một phần | Khổ giấy | A3, 11 x 17", JIS B4 |
| | Trọng lượng giấy | 60 - 90 gsm |
| Gấp làm ba | Khổ giấy | A4, Letter |
| | Trọng lượng giấy | 60 - 90 gsm |
| | Dung lượng khay giấy ^{*1} | 30 tờ |
| Cung cấp nguồn điện | | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 1 A (100 V) / 0,5 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | | 120 W (trong trường hợp 240 V) |
| Kích thước | | Rộng 232 x Sâu 725 x Cao 992 mm |
| Trọng lượng | | 55 kg hoặc ít hơn |

Ghi chú Bộ gập CD2 là tùy chọn cho Bộ hoàn thiện D6 hoặc Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

*1 Giấy 82 gsm.

Bộ hoàn thiện D6 / Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách (Tùy chọn)

| Mục | | Mô tả | |
|------------------------------------|----------------------------|--|--|
| | | Bộ hoàn thiện D6 | Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách |
| Loại | Khay giấy ra | Sắp xếp / Xếp chồng | |
| | Khay bộ hoàn thiện | Sắp xếp (Có chia bộ) / Xếp chồng (Có chia bộ) | |
| | Khay giấy quyền sách nhỏ | - | Sắp xếp / Xếp chồng |
| Khổ giấy ^{*1} | Khay giấy ra | 90 x 146 mm ^{*2} - 330 x 1.300 mm ^{*3} | |
| | Khay bộ hoàn thiện | 148 x 146 mm - 330 x 488 mm | |
| Trọng lượng giấy ^{*1} | Khay giấy ra | 52 - 400 gsm ^{*4} | |
| | Khay bộ hoàn thiện | 52 - 350 gsm | |
| Dung lượng khay giấy ^{*5} | Khay giấy ra | 500 tờ (A4) | |
| | Khay bộ hoàn thiện | [Không có tính năng dập ghim] A4: 3.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 1.500 tờ Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*6} : 350 tờ [Có dập ghim] A4: 200 bộ hoặc 3.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 100 bộ hoặc 1.500 tờ | [Không có tính năng dập ghim] A4: 2.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 1.500 tờ Xếp chồng kích cỡ hỗn hợp ^{*6} : 350 tờ [Có dập ghim] A4: 200 bộ hoặc 2.000 tờ JIS B4 hoặc lớn hơn: 100 bộ hoặc 1.500 tờ |
| | Khay giấy quyền sách nhỏ | - | Tối đa 20 bộ (16 tờ/bộ hoặc ít hơn) ^{*7} |
| Dập ghim | Dung lượng Dập ghim | Tối đa 100 tờ (90 gsm hoặc ít hơn) ^{*8} | |
| | Kích cỡ Giấy ^{*9} | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu JIS B5, 8 x 10" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 182 x 182 mm - 297 x 432 mm | |
| | Trọng lượng giấy | 52 - 350 gsm | |
| | Vị trí | Dập ghim đơn, Dập ghim kép, Dập ghim bốn vị trí | |
| Đục lỗ ^{*10} | Số lượng lỗ | Đục 2 lỗ / 4 lỗ hoặc Đục 2 lỗ / 3 lỗ đục (Thông số kỹ thuật tại Hoa Kỳ) | |

| Mục | Mô tả | | |
|--------------------------------------|---|--|--|
| | Bộ hoàn thiện D6 | Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách | |
| | Kích cỡ Giấy*11 | Khổ Tiêu Chuẩn: Đục 2 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu JIS B5, 8 x 10" Đục 3 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu JIS B5, 8 x 10" Đục 4 lỗ Tối đa A3, 11 x 17", Tối thiểu A4, Letter Khổ Giấy Tùy Chỉnh: Đục 2 lỗ 203 x 182 mm - 297 x 432 mm Đục 3 lỗ 254 x 182 mm - 297 x 432 mm Đục 4 lỗ 267 x 182 mm - 297 x 432 mm | |
| | Trọng lượng giấy | 52 - 220 gsm | |
| Hoàn thiện tài liệu dạng sách | Dung lượng hoàn thiện sách*12 | - | Dập ghim lồng: Tối đa 30 tờ (90 gsm hoặc ít hơn) Gập đôi: Tối đa 5 tờ (220 gsm hoặc ít hơn) |
| | Khổ giấy | - | Khổ Tiêu Chuẩn: Tối đa 13 x 19", SRA3, A3, Tối thiểu JIS B5, 7,25 x 10,5" Khổ Giấy Tùy Chỉnh: 182 x 257 mm - 330 x 488 mm |
| | Trọng lượng giấy | - | 60 - 350 gsm |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 3 A (100 V) / 1,5 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 360 W (trong trường hợp 240 V) | | |
| Kích thước | Rộng 855 x Sâu 725 x Cao 1.204 mm | Rộng 892 x Sâu 725 x Cao 1.204 mm | |
| Trọng lượng | 87 kg hoặc ít hơn | 107 kg hoặc ít hơn | |

Ghi chú Cần có Mô-đun làm thẳng giấy D1.

*1 Không có dập ghim, đục lỗ hay hoàn thiện sách.

*2 Khi sử dụng khổ giấy 90 x 146 mm, vui lòng kiểm tra lần chạy in trước.

*3 Không đảm bảo dung lượng khay giấy lớn hơn giấy có kích cỡ 330 x 488 mm. Khi lắp thêm Bộ mở rộng in biểu ngữ Extra tùy chọn, máy có thể chứa 150 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 660 mm, 100 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 864 mm, 10 tờ giấy có kích thước lên tới 330 x 1.300 mm.

*4 Có thể sử dụng loại giấy dài hơn 488 mm ở định lượng 52 - 220 gsm.

*5 Giấy 82 gsm.

*6 Khi tờ giấy có khổ giấy lớn hơn được xếp chồng ở phía trên những tờ có khổ giấy nhỏ hơn.

*7 Dung lượng khay sách là 16 bộ (17 đến 20 tờ sau khi đóng), 12 bộ (21 đến 25 tờ sau khi đóng) và 10 bộ (26 đến 30 tờ sau khi đóng).

*8 Có thể dập ghim tối đa 65 tờ cho khổ giấy lớn hơn A4 hoặc khổ giấy letter.

*9 Vị trí dập ghim có thể dùng tùy thuộc vào kích cỡ giấy.

*10 Tùy chọn.

*11 Số lỗ có thể đục tùy thuộc vào kích cỡ giấy.

*12 Số tờ có thể được hoàn thiện thành sách nhỏ tùy thuộc vào trọng lượng giấy. Có thể không đóng được chặt sách nhỏ, tùy thuộc vào kích cỡ hoặc loại giấy.

Bộ xén gáy vuông D1 (Tùy chọn)

| Mục | Mô tả | |
|--|---|---|
| Khổ giấy | Tương tự như kích thước giấy của Hoàn thiện tài liệu dạng sách Bộ hoàn thiện D6. | |
| Trọng lượng giấy | Tương tự như trọng lượng giấy của Hoàn thiện tài liệu dạng sách Bộ hoàn thiện D6. | |
| Công Suất Khay Giấy Sách Nhỏ ^{*1} | Tối đa 20 bộ (16 tờ/bộ hoặc ít hơn) ^{*2} | |
| Xén lẻ | Dung lượng xén lẻ ^{*3} | Dập ghim lồng: Tối đa 30 tờ, Gập đôi: Tối đa 5 tờ |
| | Kích thước cắt xén lẻ | 2 - 20 mm |
| Khả năng đóng gáy vuông ^{*3 *4} | Tối đa 30 tờ | |
| Cung cấp nguồn điện | Một pha AC100-240 V +/- 10 %, 1,0 A (100 V) / 0,6 A (240 V), 50/60 Hz, tiếp đất | |
| Mức tiêu thụ điện tối đa | 144 W (trong trường hợp 240 V) | |
| Kích thước | Rộng 1.066 x Sâu 725 x Cao 552 mm | |
| Trọng lượng | 100 kg hoặc ít hơn | |

Ghi chú Cần có Bộ hoàn thiện D6 có bộ đóng sách.

*1 Tùy theo điều kiện sử dụng, chẳng hạn như loại giấy mà thiết bị có thể sẽ không chấp nhận nạp giấy vào.

*2 Dung lượng khay sách là 16 bộ (17 đến 20 tờ sau khi đóng), 12 bộ (21 đến 25 tờ sau khi đóng) và 10 bộ (26 đến 30 tờ sau khi đóng).

*3 Dung lượng nạp tối đa có thể giảm xuống tùy theo loại giấy hoặc trọng lượng của giấy.

*4 Đóng gáy vuông không thể được áp dụng cho các tờ gập đôi và cho ít hơn 5 tờ được dập ghim lồng.

Notes

- Hiệu suất không đảm bảo như đối với mọi loại giấy. Hãy liên hệ với đại diện của FUJIFILM Business Innovation trong khu vực của bạn để biết loại giấy nên dùng.
- Việc sửa chữa những bộ phận hư hỏng sẽ còn được thực hiện ít nhất 7 năm sau khi sản phẩm không còn được sản xuất.

fujifilm.com/fbvn

FUJIFILM

Công ty TNHH FUJIFILM Business Innovation Việt Nam

Trụ sở chính

Tầng trệt, tầng 2 và tầng 19, Tòa nhà the Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, p.An Khánh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3829 0038 Fax: (84-28) 3829 0032

Chi nhánh & Phòng trưng bày tại Hà Nội

Tầng 14, Tòa nhà VCCI, 9 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3824 1063 Fax: (84-24) 3824 1113

Chi nhánh Hải Phòng

P.515, Tầng 5, toà nhà TD Business Center, số 20A đường Lê Hồng Phong, P. Gia Viên, Hải Phòng
Điện thoại: (84-255) 3859 236 Fax: (84-255) 3859 239

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Danabook Tower, 76-78 Bạch Đằng, P. Hải Châu, Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3892 896 Fax: (84-236) 3892 895

Kiểu máy sẵn có tùy thuộc vào quốc gia/khu vực. Vui lòng tham vấn với người đại diện bán hàng để biết chi tiết.
Thông số kỹ thuật, h.nh dạng và các chi tiết khác của sản phẩm trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Nghiêm cấm sao chép Vui lòng lưu ý, pháp luật nghiêm cấm các h.nh thức sao chép sau: Nội ngoại tệ, cổ phiếu, trái phiếu chính phủ và các chứng chỉ trái phiếu địa phương. Các loại tem bưu phẩm, bưu thiếp không được sử dụng, v.v... Các loại tem chứng nhận theo quy định của pháp luật. Các h.nh thức sao chép liên quan đến tác quyền (tác phẩm văn học, âm nhạc, hội họa, điêu khắc nghệ thuật, bản đồ, tác phẩm điện ảnh, bản vẽ, tác phẩm h.nh nghệ thuật, etc...) bị nghiêm cấm trừ khi việc sao chép đó nhằm mục đích sử dụng cá nhân, gia đình hoặc tương đương trong phạm vi giới hạn.

Nh.nh hiệu FUJIFILM và logo FUJIFILM là các nh.nh hiệu đ. đăng k. hoặc nh.nh hiệu của FUJIFILM Corporation, Revoria, Revoria logo, Revoria Press và Revoria Flow là các nh.nh hiệu đ. đăng k. hoặc nh.nh hiệu của FUJIFILM Business Innovation Corp. Adobe, logo Adobe, PostScript và logo PostScript, Adobe PDF, Adobe PDF Print Engine là các nh.nh hiệu đ. được đăng k. hoặc nh.nh hiệu của Adobe tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Tên các công ty hoặc sản phẩm khác được đề cập trong tài liệu này là nh.nh hiệu đ. được đăng k. hoặc nh.nh hiệu của từng chủ sở hữu.

An toàn sử dụng

Trước khi sử dụng thiết bị, vui lòng đọc kỹ sách hướng dẫn cẩn thận để sử dụng đúng cách.
Sử dụng sản phẩm với nguồn điện và điện áp được chỉ định.
Chắc chắn thiết bị phải được tiếp đất để tránh xảy ra các sự cố về điện.

The information is as of April 2026